

Bản án số: 63/2024/HS- PT

Ngày: 27 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Bản

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuấn

2. Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2024/TLPT-HS ngày 08/01/2024 do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

1. Họ và tên: Hoàng Kim A (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1989, tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12. Họ và tên bố: Hoàng Văn T, sinh năm 1969. Họ và tên mẹ: Triệu Thị P, sinh năm 1969. Vợ: Triệu Thị L, sinh năm 1992. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Họ và tên: Hoàng Văn V (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1983 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12. Họ và tên bố: Hoàng Văn B, sinh năm

1964. Họ và tên mẹ: Hà Thị V1, sinh năm 1966. Vợ: Hoàng Thị T1, sinh năm 1984. Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Họ và tên: Hoàng Kim S (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1990 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12. Họ và tên bố: Hoàng Phúc M, sinh năm 1960. Họ và tên mẹ: Bàn Thị B1, sinh năm 1959. Vợ: Đặng Thị H, sinh năm 1995. Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Bị cáo là Đảng viên Đ1, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 27/9/2023 theo Quyết định số 61-QĐ/UBKTHU ngày 27/9/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Võ Nhai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. Họ và tên: Hoàng Kim B2 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1998 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12. Họ và tên bố: Hoàng Văn A1, sinh năm 1978. Họ và tên mẹ: Bàn Thị T2, sinh năm 1976. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 (Ngày 19/01/2021 bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Ngày 31/12/2021 nộp phạt)

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

5. Họ và tên: Hoàng Kim L1 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1999 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12. Họ và tên bố: Đặng Hữu M1, sinh năm 1975. Họ và tên mẹ: Hoàng Thị P1, sinh năm 1967. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

6. Họ và tên: Triệu Văn P2 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1990 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12. Họ và tên bố: Triệu Tiến H1, sinh năm 1968. Họ và tên mẹ: Đặng Thị H2, sinh năm 1969. Vợ: Triệu Thị T3, sinh năm 1988. Con: có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

7. Họ và tên: Hoàng Tiến Q (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1986 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12. Họ và tên bố: Hoàng Long H3, sinh năm 1964. Họ và tên mẹ: Triệu Thị X, sinh năm 1964. Vợ: Dương Thị X1, sinh năm 1991. Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

8. Họ và tên: Hoàng Kim T4 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1990 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12. Họ và tên bố: Hoàng Văn N, sinh năm 1962. Họ và tên mẹ: Bàn Thị Q1, sinh năm 1964. Vợ: Triệu Thị T5, sinh năm 1988. Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

9. Họ và tên: Hoàng Kim T6 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1991 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12. Họ và tên bố: Hoàng Văn T, sinh năm 1969. Họ và tên mẹ: Triệu Thị P, sinh năm 1969. Vợ: Bàn Thị T7, sinh năm 1994. Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

10. Họ và tên: Hoàng Kim T8 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1995 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12. Họ và tên bố: Đặng Hữu M1, sinh năm 1975. Họ và tên mẹ: Hoàng Thị P1, sinh năm 1967. Vợ: Bàn Thị B3, sinh năm 1998. Con: có 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

11. Họ và tên: Ma Đình D (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh năm 1987 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12. Họ và tên bố: Ma Đình D1, sinh năm 1963. Họ và tên mẹ: Trịnh Thị H4, sinh năm 1964. Vợ: Cao Thị L2, sinh năm 1989. Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

12. Họ và tên: Triệu Tiến H5 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1994 tại: Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 2/12. Họ và tên bố: Triệu Văn T9, sinh năm 1976. Họ và tên mẹ: Triệu Thị T10, sinh năm 1972. Vợ: Dương Thị T11, sinh năm 1992. Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Kim A, bị cáo Hoàng Kim B2, bị cáo Hoàng Kim S: Bà Lê Thúy H6 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

2. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Kim L1, bị cáo Triệu Văn P2, bị cáo Hoàng Tiến Q: Ông Đào Anh T12 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

3. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Kim T8, bị cáo Ma Đình D, bị cáo Triệu Tiến H5: Bà Vi Khánh P3 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

4. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Kim T6, bị cáo Hoàng Kim T4, bị cáo Hoàng Văn V: Bà Hoàng Thị B4 - Luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T cử. (Có mặt)

Ngoài ra trong vụ án có những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, vắng mặt do Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 25/9/2021 Trạm bảo vệ rừng số 1 thuộc Ban Q3, phòng hộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức phối hợp với lực lượng Công an xã N tiến hành tuần tra, kiểm tra rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn thì phát hiện tại lô 2, khoảnh F, tiểu khu G, rừng đặc dụng thuộc địa phận xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (UBND huyện V đã có quyết định giao đất, lâm nghiệp cho ông Hoàng Long G, sinh năm 1974, cư trú tại xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên - gia đình ông G đã đi khỏi địa phương từ lâu, không có thông tin) có hiện tượng khai thác gỗ, lâm sản. Tại hiện trường ghi nhận 03 mặt cắt gốc, các lóng, khúc, thanh, tấm gỗ, bìa, vỏ, thân cây, cành cây gỗ, mùn cưa nằm rải rác xung quanh mặt cắt gốc cây nhưng không có người và công cụ, phương tiện sử dụng khai thác. Tổ công tác đã lập biên bản kiểm tra, tổ chức bảo vệ hiện trường, tang vật vi phạm và báo cáo cơ quan chức năng, đồng thời phối hợp Hạt kiểm lâm huyện V giải quyết. Đến ngày 30/9/2021 hồ sơ vụ việc đã được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 08/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm kê lâm sản và thu giữ mẫu vật giám định, cụ thể: Hiện trường xảy ra vụ việc tại lô 2, khoảnh 6, tiểu khu G Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N thuộc xóm T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Cây số 1: có mặt cắt gốc hình bạnh vế, đường kính lớn nhất là 2,62m, nhỏ nhất là 0,9 m, phần vỏ cây ở gốc chặt đã khô mục, xung quanh có nhiều cây cỏ mầm non, điểm cao nhất so nền đất là 0,9 m, thấp nhất là 0,3 m. Tại khu vực này có nhiều khúc gỗ tròn và gỗ xẻ. Phần gỗ tròn và gỗ xẻ qua kiểm đếm có 09 hình trụ tròn và 28 tấm gỗ xẻ, kích thước khác nhau, tổng khối lượng: 10,137 m³. Đã thu mẫu gốc cây ký hiệu 1A, 1B, thân cây ký hiệu 1C, 1D (trong đó lấy mẫu 1A, 1C làm mẫu giám định).

- Cây số 2: có mặt cắt gốc hình bạnh vẽ, đường kính lớn nhất là 1,9m, nhỏ nhất là 1,6m, mặt cắt gốc cao nhất so nền đất là 0,59m, thấp nhất là 0,2m. Qua kiểm đếm xung quanh có 01 hình trụ tròn và 64 thanh gỗ xẻ, kích thước khác nhau, tổng khối lượng: 7,717 m³. Đã thu mẫu gốc cây ký hiệu 2A, 2B, thân cây ký hiệu 2C, 2D (trong đó lấy mẫu 2A, 2C làm mẫu giám định).

- Cây số 3: có mặt cắt gốc hình bạnh vẽ, đường kính lớn nhất là 1,8m, nhỏ nhất là 0,6m, mặt cắt gốc cao nhất so nền đất là 0,8 m. Qua kiểm đếm xung quanh có 05 khúc gỗ hình trụ tròn và 29 thanh gỗ xẻ, kích thước khác nhau, tổng khối lượng: 1,421 m³. Đã thu mẫu gốc cây ký hiệu 3A, 3B, thân cây ký hiệu 3C, 3D (trong đó lấy mẫu 3A, 3C làm mẫu giám định).

Toàn bộ số gỗ còn lại tại hiện trường giao cho Hạt kiểm lâm huyện V quản lý.

Ngày 01/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã làm việc với Hoàng Kim S, S đã tự nguyện giao nộp 62 thanh gỗ tại nhà bà Triệu Thị L3; thu giữ 12 thanh gỗ tại bãi đất nhà chị Triệu Thị L4.

Ngày 08/10/2021 Triệu Tiến H5 đã giao nộp 08 tấm gỗ xẻ; Hoàng Kim Bàn giao nộp 11 thanh gỗ xẻ; Ma Đình D giao nộp 06 thanh gỗ xẻ; Hoàng Kim T8 giao nộp 08 thanh gỗ xẻ; Hoàng Kim T6 giao nộp 06 thanh gỗ xẻ; Hoàng Kim L1 giao nộp 08 thanh gỗ xẻ; Hoàng Kim T4 giao nộp 11 thanh gỗ xẻ; Hoàng Kim A giao nộp 03 thanh gỗ xẻ; Hoàng Kim S giao nộp 04 thanh gỗ xẻ.

*** Các kết luận giám định:**

Tại Kết luận giám định số 281/KLGD-LNNĐ ngày 03/12/2021 và Kết luận giám định số 275/KLGD-LNNĐ ngày 22/12/2022 của V2 nhiệt đới - Liên hiệp các hội K kết luận những nội dung sau:

- Kết luận loại rừng: Khu vực lô 2, khoảnh 6, tiểu khu G Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N năm 2013 thuộc xóm T, xã N có trạng thái là rừng tự nhiên, kiểu rừng núi đất, phân loại rừng theo mục đích sử dụng: Rừng đặc dụng.

- Kết luận về khối lượng cụ thể của từng loài:

+ Mẫu 1A, 1C có tên loại gỗ là Chẹo T13; Khối lượng gỗ tại hiện trường của cây Chẹo trắng là 10,137 m³, nhóm gỗ ~VI.

+ Mẫu 2A, 2C có tên loại gỗ là Mã rạn; Khối lượng gỗ tại hiện trường của cây Mã rạn là 7,717 m³, nhóm gỗ ~VIII.

+ Mẫu 3A, 3C có tên loại gỗ là Gội nếp; Khối lượng gỗ tại hiện trường của cây Gội nếp là 1,421 m³, nhóm gỗ IV

+ Đối với 12 thanh gỗ thu tại bãi đất nhà bà Triệu Thị L4 có khối lượng là 0,449 m³ thì có 11 thanh gỗ có khối lượng 0,407 m³ thuộc cùng một chủng loại gỗ mẫu ký hiệu 1A, 1C.

+ Đối với tổng số các thanh gỗ do H5, B2, D, T8, T6, L1, T4, A, S 65 thanh gỗ có tổng khối lượng là 1,33 m³ thì có 08 thanh gỗ (05 thanh gỗ của Dạn khối lượng 0,055 m³, 01 thanh gỗ của T8 khối lượng 0,028 m³ và 02 thanh gỗ của A khối lượng 0,116m³) thuộc cùng một chủng loại gỗ mẫu ký hiệu 2A, 2C.

+ Đối với 02 thanh gỗ do Lâm Văn Đ đã giao nộp là gỗ Đoàn mua của nhóm A, khối lượng 0,099 m³ thuộc cùng một chủng loại gỗ mẫu ký hiệu 2A, 2C.

+ Đối với 62 thanh gỗ thu tại nhà bà Triệu Thị L3 có khối lượng là 2,124m³ thì có 61 thanh gỗ có khối lượng 2,025m³ thuộc cùng một chủng loại gỗ mẫu ký hiệu 3A, 3C.

- Mẫu gỗ giám định nêu trên đều là gỗ rừng tự nhiên, không có tên trong “*Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ và “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.

Quá trình điều tra đã xác định:

Đầu tháng 8/2021 Hoàng Kim A, sinh năm: 1989, nơi cư trú: xóm T, xã N, huyện V đã gặp Lâm Văn Đ, sinh năm: 1993, nơi cư trú: xóm L, xã C, huyện V. Trong quá trình nói chuyện Đ nói với A rằng Đ đang có nhu cầu mua gỗ về làm nhà, nếu A có gỗ hoặc biết ai có gỗ thì giới thiệu giúp Đ. Vài ngày sau A đã gặp Triệu Tiến H5, sinh năm: 1994, Hoàng Văn V, sinh năm: 1983, Hoàng Kim S, sinh năm: 1990, Hoàng Kim T8, sinh năm: 1995 cùng xóm tại quán nước. Trong quá trình nói chuyện A có nói với các đối tượng còn lại về việc Đoàn có nhu cầu mua gỗ. Do trước đó các đối tượng đều đã từng lên trên đỉnh núi khu vực S thuộc lô 2, khoảnh 6, tiểu khu G Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N thuộc xóm T, xã N biết có gỗ nên đã cùng nhau bàn bạc sẽ đến đó khai thác để lấy gỗ sử dụng và bán cho Đ. Lúc này có nhóm của Hoàng Kim B2, sinh năm: 1998, Hoàng Kim T4, sinh năm 1990, Hoàng Kim L1, sinh năm 1999 cùng trú tại xóm T, xã N và Triệu Văn P2, sinh năm 1990, cũng là người cùng xóm đang ngồi uống bia gần đó nghe thấy nên cũng xin đi làm gỗ cùng nhóm A. Các đối tượng hẹn nhau ngày hôm sau đi làm gỗ, A có chiếc cửa máy màu vàng cam trên thân vỏ ghi nhãn hiệu MASTER nên mang đi để cửa cây. Đến sáng hôm sau (ngày 19/8/2021 tức ngày ngày 12/7 âm lịch) các đối tượng cùng nhau đi lên đỉnh núi S để khai thác cây, khi nhóm A đi (H5 bận nên không đi), em trai A là Hoàng Kim T6, sinh năm: 1991, Triệu Tiến Q2, sinh năm: 1986 và Ma Đình D, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Xóm B, xã N nhìn thấy nên cũng xin đi cùng, tổng có 11 đối tượng. Khi đến vị trí đã định các đối tượng thấy có 01 cây Gội Nếp còn tươi, đứng phát triển bình thường có kích thước to nên đã thống nhất khai thác. V và A dùng cửa máy mang theo cắt đổ cây gỗ trên, sau đó cắt thành các khúc nhỏ có

nhều kích thước khác nhau, trung bình dài từ 40cm đến 60cm, các cạnh vuông 12cm. Sau đó các đối tượng chuyển các thanh gỗ xẻ về giấu tại dưới gầm nhà sàn của bà Triệu Thị L3, sinh năm: 1974, nơi cư trú: Xóm T, xã N là mẹ vợ của S, số gỗ cất giấu khoảng 60 thanh.

Sau khi khai thác cây gỗ trên các đối tượng nghỉ ăn rằm tháng 7 âm lịch. Trong khi ăn rằm các đối tượng đã đến nhà nhau ăn cơm, uống rượu. Trong khi uống rượu các đối tượng lại bàn bạc, rủ nhau sau khi ăn rằm xong lại cùng nhau đi lên vị trí nêu trên để khai thác gỗ tiếp. Đến ngày 25/8/2021 (tức ngày 18/7/2021 âm lịch) 11 đối tượng đã khai thác cây Gội Nếp nêu trên có thêm Triệu Tiến H5 đã cùng nhau đến vị trí nêu trên khai thác cây gỗ M. Khi đến thấy cây gỗ trên đã bị người khác chặt khoanh thân gốc khiến cây chết khô đã lâu, thân cây đã có dấu hiệu mục rỗng. Học cắt đổ cây, sau đó H5 và V thay nhau cắt khúc cây, xẻ thân cây, A giúp kê gỗ, bật mục khi xẻ. Các đối tượng xẻ thành các thanh gỗ có chiều dài trung bình là 2,2 m, rộng 25 cm, chiều dày từ 2 cm đến 16 cm. Tổng số được khoảng 70 thanh gỗ. Thấy cây gỗ được nhiều thanh và có thể làm ván bung tường nhà được nên các đối tượng đã thống nhất bán gỗ của cây Mã Rạng cho Đ. Các đối tượng còn lại chuyển gỗ đến để tại bìa rừng gần vị trí rẽ từ đường lên rừng xuống đường nhựa liên xóm và cất giấu tại đó. Ma Đình D do cũng có nhu cầu mua gỗ bung vách nhà sàn nên cũng bảo các đối tượng chuyển về nhà mình khoảng 10 thanh gỗ với kích thước chiều dày khác nhau. Dạn đã trả cho A 02 triệu tiền gỗ. Các đối tượng khai thác cây gỗ trên trong 02 ngày. Sau khi tập kết gỗ khoảng 3 hôm sau A liên hệ với Đ để Đ đến lấy gỗ. Theo thỏa thuận, Đ đưa cho A 35 triệu đồng mua 50 thanh gỗ, sau đó Đ chuyển gỗ về nhà tại xã C. Tổng số tiền các đối tượng bán gỗ của cây Mã Rạng đã khai thác là 37.000.000 đồng. A và các đối tượng thống nhất chia đều mỗi người 3.000.000 đồng (riêng V và Q2 do yếu, không vác ít nên chia cho 2.000.000 đồng). A đã chia tiền cho từng người như đã bàn bạc, số tiền thừa còn lại các đối tượng cùng nhau uống bia hết.

Sau khi khai thác cây gỗ Mã Rạng khoảng 10 ngày các đối tượng gặp nhau và lại tiếp tục rủ nhau đi khai thác gỗ. Ngày 15/9/2021 (tức ngày 9/8/2021 âm lịch) 12 đối tượng đã cùng nhau lên vị trí nêu trên khai thác cây gỗ C. Khi đến thấy cây Chẹo T13 đã bị ai chặt khoanh gốc từ trước, cây chết khô có dấu hiệu mục, rỗng. H5 và V cắt đổ cây, sau đó A, H5, V cùng nhau xẻ cây gỗ. Do thân cây bị mục rỗng nhiều nên các đối tượng xẻ được khoảng 10 thanh gỗ, có chiều dài 2,2 m, rộng 40 cm, dày 04 cm. Các đối tượng còn lại vận chuyển các thanh gỗ đến để tại nhà S, vài hôm sau chuyển đến để tại bãi đất nhà bà Triệu Thị L4, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Xóm T, xã N là người dân sống gần đó.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo A, T6, S, D, T4, L1, Q2, V, H5, P2, T8, B2 đã khai nhận hành vi khai thác lâm sản trái phép như đã nêu trên. Trước, trong

khi khai thác các bị cáo không được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, biết hành vi khai thác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn khai thác gỗ để sử dụng và bán lấy tiền chia nhau nên đã tự ý khai thác lâm sản trái phép. Ngoài 12 bị cáo nêu trên, không có ai khác tham gia khai thác hoặc giúp sức các đối tượng.

* Về thu giữ đồ vật, tài liệu:

- Ngày 01/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tạm giữ:
 - + 12 thanh gỗ tại bãi đất của nhà bà Triệu Thị L4.
 - + 62 thanh gỗ tại nhà bà Triệu Thị L3 do Hoàng Kim S giao nộp.
 - + 01 cửa lóc vỏ màu vàng cam trên thân vỏ ghi nhãn hiệu MASTER, máy cũ đã qua sử dụng do Hoàng Kim A giao nộp.
- Ngày 04/10/2021: 01 lưỡi lam trên thân có chữ LASER (lưỡi cửa của máy cửa lóc) do Hoàng Văn V giao nộp.
- Ngày 08/10/2021 tạm giữ:
 - + 12 mẫu gỗ tại 03 gốc, thân cây tại hiện trường như nêu trên, đến nay sau giám định còn lại 06 mẫu niêm phong trong hộp ký hiệu G2.
 - + 11 thanh gỗ do Hoàng Kim B2 nộp.
 - + 06 thanh gỗ do Ma Đình D nộp.
 - + 08 thanh gỗ do Hoàng Kim T8 nộp.
 - + 06 thanh gỗ do Hoàng Kim T6 nộp.
 - + 08 thanh gỗ do Hoàng Kim L1 nộp.
 - + 11 thanh gỗ do Hoàng Kim T4 nộp.
 - + 03 thanh gỗ do Hoàng Kim A nộp.
 - + 04 thanh gỗ do Hoàng Kim S nộp.
 - + 08 thanh gỗ do Triệu Tiến H5 nộp.
- Ngày 09/01/2021 tạm giữ của Lâm Văn Đ do Đ giao nộp 02 thanh gỗ và số tiền 20.000.000 đồng đồng tiền Ngân hàng N1 là tiền Đoàn bán số gỗ mà sau khi nhóm của A bán cho.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Kim A, Hoàng Văn V, Hoàng Kim S, Hoàng Kim L1, Triệu Văn P2, Hoàng Tiến Q, Hoàng Kim B2, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T6, Hoàng Kim T8, Ma Đình D, Triệu Tiến H5 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

1. Về hình phạt.

1.1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo

Hoàng Kim A 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn V 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.3. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim S 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.4. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim B2 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.5. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn P2 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.6. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T4 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.7. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T6 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.8. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T8 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.9. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim L1 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.10. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Tiến Q 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.11. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Ma Đình D 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

1.12. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Triệu Tiến H5 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2199/QĐ-VKS-P7 ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo hướng áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232 và Điều 54 Bộ luật hình sự đối với 12 bị cáo trong vụ án trên.

Ngày 11/12/2023 các bị cáo Hoàng Kim A, Hoàng Văn V, Hoàng Kim S, Hoàng Tiến Q, Hoàng Kim L1, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T6, Triệu Tiến H5 kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương.

Ngày 13/12/2023 các bị cáo Hoàng Kim B2, Triệu Văn P2, Hoàng Kim T8, Ma Đình D kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên phúc thẩm, tất cả các bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa: Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội, nội dung quyết định kháng nghị phúc thẩm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1, điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị số 2199 ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo hướng áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với 12 bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với 11 bị cáo Hoàng Kim A, Hoàng Kim S, Hoàng Kim B2, Hoàng Kim L1, Triệu Văn P2, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T6, Hoàng Kim T8, Triệu Tiến H5, Ma Đình D, Hoàng Tiến Q khi quyết định hình phạt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Bà Lê Thúy H6 ông Đào Anh T12 bà Vi Khánh P3 - Trợ giúp viên pháp lý, cũng như bà Bà Hoàng Thị B4 - Luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T đều nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về các nội dung; Người bào chữa cho các bị cáo đều cho rằng các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, cơ bản có trình độ học vấn thấp, sinh ra và lớn lên tại vùng núi cao có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đều là thành viên của hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhận thức xã hội còn thấp nên đã phạm tội; Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa không có ý kiến bổ sung gì.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo giảm một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kháng cáo của các bị cáo được gửi trong thời hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của bị cáo khai trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do các bị cáo từ nhỏ sinh sống tại vùng núi cao, khó khăn về kinh tế, nhận thức về xã hội có phần còn hạn chế, vì biết trên rừng khu S, thuộc Lô 2 khoảnh 6, tiểu khu G bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã N, huyện V có gỗ nên đã bàn bạc rồi tự ý cùng nhau đi khai thác gỗ bán kiếm tiền tiêu xài. Cụ thể: Trong các ngày từ 19/8/2021 đến ngày 16/9/2021, các bị cáo Hoàng Kim A, Hoàng Văn V, Hoàng Kim S, Hoàng Kim B2, Hoàng Kim L1, Triệu Văn P2, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T8, Hoàng Kim T6, Hoàng Tiến Q, Ma Đình D đã khai thác trái phép tổng khối lượng gỗ là 22,005 m³, bị cáo Triệu Tiến H5 không tham gia ngày 19/8/2021 nên đồng phạm đối với việc khai thác trái phép khối lượng gỗ là 18,559 m³.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo Điều 232 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội danh.

[3] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát:

3.1. Về nội dung áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự đối với 12 bị cáo trong vụ án thấy: Vào các ngày 19, 20/8/2021, các bị cáo đã khai thác

trái phép 01 cây gỗ Gội Nếp với tổng khối lượng là 3,446 m³. Đến ngày 25, 26/8/2021, các bị cáo tiếp tục khai thác trái phép 01 cây gỗ Mã Rạng có tổng khối lượng là 8,015 m³. Ngày 15, 16/9/2021 lại tiếp tục cùng nhau khai thác trái phép 01 cây gỗ C có khối lượng 10,544 m³. Vị trí 03 cây trên mỗi cây cách nhau khoảng 60 m, đều thuộc trong cùng lô 2, khoảnh 6, tiểu khu G bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N thuộc xóm T, xã N, huyện V là Rừng đặc dụng - rừng tự nhiên.

Xét thấy các bị cáo đã thực hiện nhiều lần (03 lần) cùng một hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” mỗi lần đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và đều chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào tổng khối lượng gỗ (22,005 m³) các bị cáo khai thác thì các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tại điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự: “*Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên 15 mét khối (m³) trở lên gỗ loài thực vật thông thường*”

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng tội danh. Tuy nhiên Tòa cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tại điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo là không đúng khung hình phạt có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, vì vậy cần chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

3.2 Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với 12 bị cáo trong vụ án: Xét thấy các bị cáo (12) bị cáo trong quá trình xét xử đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị đối với nội dung này khi quyết định hình phạt cho các bị cáo hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho cả 12 bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ngoài bị cáo Hoàng Văn V, 11 bị cáo khác đã chủ động nộp toàn bộ tiền thu lời bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm; Điều này thể hiện tinh thần, thái độ chấp hành pháp luật của 11 bị cáo nên cho các bị cáo Ma Đình D, Triệu Tiến H5, Hoàng Kim A, Hoàng Kim S, Hoàng Tiến Q, Hoàng Kim L1, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T6, Hoàng Kim B2, Triệu Văn P2, Hoàng Kim T8 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với những phân tích đánh giá như trên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, động viên các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đề nghị của Kiểm sát, Người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Kim A, Hoàng Văn V, Hoàng Kim S, Hoàng Kim L1, Triệu Văn P2, Hoàng Tiến Q, Hoàng Kim B2, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T6, Hoàng Kim T8, Ma Đình D, Triệu Tiến H5 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2.1. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim A 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim B2 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim S 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn P2 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Tiến Q 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T4 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T6 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim T8 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Kim L1 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Tiến H5 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Ma Đình D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2.2. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn V 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ghi nhận các bị cáo Ma Đình D; Triệu Tiến H5, Hoàng Kim A, Hoàng Kim S, Hoàng Kim L1, Hoàng Kim T4, Hoàng Kim T6, Hoàng Kim B2, Triệu Văn P2, Hoàng Kim T8 đã nộp toàn bộ số tiền truy thu theo Quyết định của bản án sơ thẩm mỗi bị cáo là 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại các Biên lai thu tiền số 0002894; 0002895; 0002897, 0002902, 0002898, 0002899; 0002903; 0002896; 0002900; 0002904 cùng ngày 13/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai; Hoàng Tiến Q số tiền là 2.250.000đ theo biên lai thu tiền số 0002901 ngày 13/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

Bị cáo Hoàng Văn V còn phải nộp số tiền 2.250.000 đồng tiền truy thu thu lời bất chính.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- TAND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản